

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 12&13/09/2020

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Hoàng Thị Chương	Nữ	12/07/1980	Nghệ An	5.0	7.0	41/QĐ183	1140691	
2	Phạm Xuân Diệu	Nam	20/11/1972	Nghệ An	6.0	6.0	42/QĐ183	1140692	
3	Mai Thị Giang	Nữ	18/03/1987	Thanh Hóa	5.0	6.5	43/QĐ183	1140693	
4	Nguyễn Thị Giang	Nữ	01/04/1987	Nghệ An	6.0	8.8	44/QĐ183	1140694	
5	Thái Trung Giáp	Nam	15/11/1985	Nghệ An	6.0	7.8	45/QĐ183	1140695	
6	Đặng Thị Hiền	Nữ	07/09/1989	Nghệ An	7.0	7.8	46/QĐ183	1140696	
7	Vi Thị Hiệp	Nữ	25/05/1989	Nghệ An	6.0	7.5	47/QĐ183	1140697	
8	Đậu Văn Hiệp	Nam	19/12/1981	Nghệ An	5.0	7.0	48/QĐ183	1140698	
9	Lương Thị Huế	Nữ	12/02/1980	Nghệ An	5.0	8.0	49/QĐ183	1140699	
10	Vi Văn Huệ	Nữ	02/03/1967	Nghệ An	5.0	5.0	50/QĐ183	1140700	
11	Nguyễn Thị Lan	Nữ	01/10/1969	Nghệ An	5.0	6.0	51/QĐ183	1140701	
12	Vi Thị Luân	Nữ	20/10/1981	Nghệ An	5.3	6.0	52/QĐ183	1140702	
13	Lữ Thị Mai	Nữ	06/06/1979	Nghệ An	5.0	5.0	53/QĐ183	1140703	
14	Vi Thị Nam	Nữ	18/08/1980	Nghệ An	5.0	6.0	54/QĐ183	1140704	
15	Lô Thị Năm	Nữ	16/08/1979	Nghệ An	5.0	5.0	55/QĐ183	1140705	
16	Trần Thị Ngà	Nữ	16/06/1989	Nghệ An	5.3	6.5	56/QĐ183	1140706	
17	Vi Thị Ngà	Nữ	02/06/1989	Nghệ An	5.3	7.0	57/QĐ183	1140707	
18	Kha Thị Ngọc	Nữ	20/03/1979	Nghệ An	6.7	7.0	58/QĐ183	1140708	
19	Lương Thị Hồng Nhung	Nữ	08/07/1989	Nghệ An	5.0	8.0	59/QĐ183	1140709	
20	Lương Văn Núi	Nam	25/12/1978	Nghệ An	5.0	5.0	60/QĐ183	1140710	
21	Lữ Thị Quế	Nữ	14/12/1984	Nghệ An	5.3	5.0	61/QĐ183	1140711	
22	Lô Thị Sen	Nữ	10/12/1982	Nghệ An	5.3	5.3	62/QĐ183	1140712	
23	Nguyễn Duy Sơn	Nam	16/10/1989	Nghệ An	5.7	6.8	63/QĐ183	1140713	
24	Kha Văn Thân	Nam	08/08/1989	Nghệ An	8.3	8.5	64/QĐ183	1140714	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
25	Vang Thị Thìn	Nữ	15/03/1988	Nghệ An	6.0	8.0	65/QĐ183	1140715	
26	Kha Văn Thông	Nam	21/04/1978	Nghệ An	5.3	5.5	66/QĐ183	1140716	
27	Lê Thị Thu Thủy	Nữ	31/07/1985	Nghệ An	6.3	8.5	67/QĐ183	1140717	
28	Moong Thị Thủy	Nữ	03/02/1987	Nghệ An	6.3	8.0	68/QĐ183	1140718	
29	Trần Anh Tú	Nam	11/11/1989	Nghệ An	7.0	8.8	69/QĐ183	1140719	
30	Đặng Thị Kiều Anh	Nữ	25/07/1994	Quảng Bình	6.3	5.5	70/QĐ183	1140720	
31	Vy Thị Mộng Đài	Nữ	26/09/1996	Nghệ An	6.3	5.5	71/QĐ183	1140721	
32	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	20/02/1993	Nghệ An	6.3	5.5	72/QĐ183	1140722	
33	Vi Trọng Diễm	Nam	07/11/1983	Nghệ An	6.0	8.5	73/QĐ183	1140723	
34	Phạm Thị Mỹ Dung	Nữ	20/11/1989	Nghệ An	6.3	8.0	74/QĐ183	1140724	
35	Nguyễn Thị Thái Giang	Nữ	28/10/1973	Hà Tĩnh	5.7	7.5	75/QĐ183	1140725	
36	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	23/10/1985	Nghệ An	6.0	7.5	76/QĐ183	1140726	
37	Hoàng Trọng Hòa	Nữ	06/06/1987	Hà Tĩnh	5.7	6.0	77/QĐ183	1140727	
38	Trần Thị Hương	Nam	10/06/1994	Nghệ An	5.3	7.5	78/QĐ183	1140728	
39	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	30/07/1998	Nghệ An	6.7	8.0	79/QĐ183	1140729	
40	Hoàng Mai Linh	Nữ	19/12/1997	Nghệ An	7.0	8.0	80/QĐ183	1140730	
41	Trần Đức Lộc	Nam	24/12/1974	Nghệ An	6.3	6.5	81/QĐ183	1140731	
42	Trịnh Thị Lựu	Nam	28/06/1981	Nghệ An	5.3	6.5	82/QĐ183	1140732	
43	Phan Thị Khánh Ly	Nữ	27/04/1998	Nghệ An	6.0	9.0	83/QĐ183	1140733	
44	Vy Văn Mạnh	Nữ	03/02/1982	Nghệ An	5.0	8.0	84/QĐ183	1140734	
45	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nam	04/11/1983	Nghệ An	6.3	7.5	85/QĐ183	1140735	
46	Trần Thị Nguyệt	Nữ	03/08/1985	Nghệ An	5.3	8.5	86/QĐ183	1140736	
47	Lô Thị Thanh Nhân	Nữ	01/08/1981	Nghệ An	7.0	8.5	87/QĐ183	1140737	
48	Trần Đình Phước	Nữ	11/09/1964	Nghệ An	6.0	6.0	88/QĐ183	1140738	
49	Vy Hữu Sơn	Nam	01/03/1983	Nghệ An	5.7	8.0	89/QĐ183	1140739	
50	Nguyễn Thị Ánh Thảo	Nữ	20/12/1998	Nghệ An	6.0	8.5	90/QĐ183	1140740	
51	Cao Thị Quỳnh Trang	Nam	16/02/1997	Nghệ An	6.0	7.5	91/QĐ183	1140741	
52	Đinh Thị Quỳnh Trang	Nữ	05/03/1997	Nghệ An	7.0	5.5	92/QĐ183	1140742	
53	Trương Như Trung	Nam	19/09/1991	Nghệ An	6.0	6.0	93/QĐ183	1140743	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
54	Vi Văn Tuấn	Nam	22/06/1976	Nghệ An	6.0	6.5	94/QĐ183	1140744	
55	Trần Thị Xuân	Nữ	02/11/1985	Nghệ An	5.7	7.5	95/QĐ183	1140745	

